

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 224/QĐ-PTQĐ-KH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2023

K/c Khanh

2/11

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
Số: 1170/NBS  
ĐẾN Ngày: 06-11-2023  
Chuyển: Quyết toán  
triển quỹ đất.

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố, công khai Thông báo xét duyệt quyết toán  
ngân sách nhà nước năm 2022 của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-STNMT-KHTC ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 176/QĐ-STNMT-KHTC ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 1) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 884/QĐ-STNMT-KHTC ngày 22 tháng 08 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 3) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-STNMT-KHTC ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 4) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-STNMT-KHTC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 5) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1137/QĐ-STNMT-KHTC ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 6) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1253/QĐ-STNMT-KHTC ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 7) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-STNMT-KHTC ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 8) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Quyết định số 1426/QĐ-STNMT-KHTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 9) cho Trung tâm Phát triển quỹ đất;

Căn cứ Thông báo số 7730/TB-STNMT-KHTC ngày 18 tháng 08 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 cho Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Xét đề nghị của Phụ trách phòng Kế hoạch – Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Trung tâm Phát triển quỹ đất công bố, công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường xét duyệt tại Thông báo số 7730/TB-STNMT-KHTC ngày 18 tháng 08 năm 2023.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phụ trách phòng Kế hoạch – Tài chính và các Phòng trực thuộc Trung tâm thực hiện quyết định này. *Nail*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở TNMT
- Lưu VT. M (3)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Tâm



**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-PTQĐ-KH ngày 19/10/2023)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
1	Lệ phí				
2	Phí				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>13.209.860.142</b>	<b>13.209.860.142</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>13.209.860.142</b>	<b>13.209.860.142</b>	<b>0</b>	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	<b>13.209.860.142</b>	<b>13.209.860.142</b>	<b>0</b>	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.725.762.000	7.725.762.000	0	
	- Kinh phí chi thường xuyên	7.725.762.000	7.725.762.000		
	- Kinh phí cải cách tiền lương	0	0		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.484.098.142	5.484.098.142	0	
	- Kinh phí chuyên môn	1.815.998.033	1.815.998.033		
	- Kinh phí Nghị Quyết 03/2018/NQ-HĐND	3.668.100.109	3.668.100.109		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
1	Chi quản lý hành chính				

*Handwritten signature*

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

*Luat*